TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT CƠ ĐIỆN TỬ - KHÓA 2020

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH12003125	Trương Quốc	An	D20_CDT01																															6.10	6.10	17/21	8/9					DH20
2	DH12001258	Trần Trí	Cường	D20_CDT01																															4.60	4.60	11/21	6/9					DH20
3	DH12002373	Trần Trung	Danh	D20_CDT01																															5.75	5.75	17/21	8/9					DH20
4	DH12003436	Nguyễn Trương Tấn	Duy	D20_CDT01																															6.30	6.30	17/21	8/9					DH20
5	DH12002183	Huỳnh Gia	Hoàng	D20_CDT01																															6.35	6.35	17/21	8/9					DH20
6	DH12002592	Đỗ Hoàng	Huy	D20_CDT01																															5.45	5.45	13/21	7/9					DH20
7	DH12002978	Lê Thế	Huy	D20_CDT01																															5.15	5.15	17/21	8/9					DH20
8	DH12003614	Nguyễn Tấn Minh	Huy	D20_CDT01																															4.80	4.80	10/21	5/9					DH20
9	DH12001935	Tô Quang	Hữu	D20_CDT01																															5.20	5.20	13/21	7/9					DH20
10	DH12003261	Dương Huỳnh Phi	Long	D20_CDT01																															6.25	6.25	17/21	8/9					DH20
11	DH12003623	Trần Ngọc	Long	D20_CDT01																															4.90	4.90	13/21	7/9					DH20
12	DH12001918	Lê Tấn	Lộc	D20_CDT01																															6.65	6.65	20/21	9/9					DH20
13	DH12003368	Phạm Hùng	Mạnh	D20_CDT01																															5.40	5.40	14/21	7/9					DH20
14	DH12002290	Thái Anh	Ngọc	D20_CDT01																															6.00	6.00	17/21	8/9					DH20
15	DH12003613	Phạm Ngọc	Nhật	D20_CDT01																															1.60	1.60	0/21	0/9					DH20
16	DH12001877	Phan Nguyễn Việt	Quang	D20_CDT01																															5.90	5.90	20/21	9/9					DH20
17	DH12002321	Trần Minh	Quyền	D20_CDT01																															5.35	5.35	13/21	7/9					DH20
18	DH12002713	Lê Nhật	Thanh	D20_CDT01																															7.45	7.45	20/21	9/9					DH20
19	DH12002889	Nguyễn Minh	Thuận	D20_CDT01																															6.10	6.10	20/21	9/9					DH20
20	DH12001472	Ngô Mạnh	Tiền	D20_CDT01																															5.95	5.95	17/21	8/9					DH20
21	DH12002181	Trần Trung	Tín	D20_CDT01																															5.90	5.90	17/21	8/9					DH20
22	DH12000082	Trần Trí	Toàn	D20_CDT01																															7.25	7.25	20/21	9/9					DH20
23	DH12003211	Nguyễn Phi	Trường	D20_CDT01																															5.70	5.70	13/21	7/9					DH20
24	DH12000148	Nguyễn Minh	Trường	D20_CDT01																															6.20	6.20	17/21	8/9					DH20
25	DH12002449	Lê Ngọc	Tú	D20_CDT01																															6.60	6.60	16/21	8/9					DH20
26	DH12003562	Nguyễn Anh	Tuấn	D20_CDT01																															5.25	5.25	12/21	6/9					DH20
27	DH12000464	Nguyễn Ngọc	Tuấn	D20_CDT01																															6.90	6.90	20/21	9/9					DH20
28	DH12004013	Phan Lê	Tuấn	D20_CDT01																															4.75	4.75	12/21	6/9					DH20
29	DH12003917	Hồ Khánh	Tường	D20_CDT01																															6.95	6.95	20/21	9/9					DH20
30	DH12006269	Mao Tấn	An	D20_CDT02																															5.90	5.90	17/21	8/9					DH20
31	DH12006270	Nguyễn Phước Thiện	An	D20_CDT02																															6.55	6.55	16/21	8/9					DH20
32	DH12004894	Phan Nguyễn Tuấn	Anh	D20_CDT02																															6.10	6.10	17/21	8/9					DH20
33	DH12004747	Nguyễn Minh	Duy	D20_CDT02																															0.00	0.00	15/21	9/9					DH20
34	DH12006288	Nguyễn Trần Anh	Duy	D20_CDT02																															4.80	4.80	9/21	5/9					DH20
35	DH12006291	Nguyễn Hữu	Đông	D20_CDT02																															5.80	5.80	16/21	8/9					DH20
36	DH12004075	Huỳnh Ngọc	Hải	D20_CDT02																															8.35	8.35	20/21	9/9					DH20
37	DH12004868	Bùi Văn	Hùng	D20_CDT02																															6.05	6.05	18/21	8/9					DH20
38	DH12006306	Trần Gia	Huy	D20_CDT02																															5.85	5.85	16/21	8/9					DH20
39	DH12006307	Vũ Quang	Huy	D20_CDT02																															5.80	5.80	16/21	8/9					DH20
40	DH12004507	Trần Quốc	Hưng	D20_CDT02																															6.10	6.10	15/21	7/9					DH20
41	DH12003045	Trần Minh	Khang	D20_CDT02																															5.45	5.45	15/21	7/9					DH20
42	DH12007367	Lê Nguyễn Vũ Hoàng	Long	D20_CDT02																															7.10	7.10	18/21	8/9				TDUNG	DH20
43	DH12004692	Lê Doãn Tuấn	Minh	D20_CDT02																															4.50	4.50	11/21	6/9					DH20
44	DH12005032	Nguyễn Thanh	Nghi	D20_CDT02																															2.45	2.45	2/21	2/9					DH20
45	DH12006583	Nguyễn Hữu	Nghĩa	D20_CDT02																															7.50	7.50	20/21	9/9					DH20
46	DH12006318	Dương Trần Hưng	Phát	D20_CDT02																															7.90	7.90	20/21	9/9					DH20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CNKT CƠ ĐIỆN TỬ - KHÓA 2020

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																																	TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2020 - 2021)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(C29)	(C30)	(C31)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
47	DH12007094	Nguyễn Tấn	Phát	D20_CDT02																															2.80	2.80	6/21	4/9					DH20
48	DH12004080	Võ Hoàng	Phát	D20_CDT02																															6.30	6.30	17/21	8/9					DH20
49	DH12006319	Nguyễn Hoàng Phương	Phi	D20_CDT02																															4.50	4.50	10/21	5/9					DH20
50	DH12006321	Trần Thanh	Phong	D20_CDT02																															5.85	5.85	16/21	8/9					DH20
51	DH12006323	Nguyễn Bá	Phúc	D20_CDT02																															6.60	6.60	16/21	8/9					DH20
52	DH12004807	Nguyễn Minh	Quân	D20_CDT02																															5.75	5.75	16/21	8/9					DH20
53	DH12007180	Nguyễn Chi	Tài	D20_CDT02																															6.95	6.95	20/21	9/9					DH20
54	DH12006331	Nguyễn Đình Hữu	Tài	D20_CDT02																															6.35	6.35	17/21	8/9					DH20
55	DH12004039	Lê Hoàng	Thanh	D20_CDT02																															6.05	6.05	18/21	8/9					DH20
56	DH12004961	Tăng Thái	Thịnh	D20_CDT02																															6.20	6.20	20/21	9/9					DH20
57	DH12004869	Nguyễn Hữu	Tiến	D20_CDT02																															6.45	6.45	20/21	9/9		NoHP		DC	DH20
58	DH12006338	Lý Phi	Tòng	D20_CDT02																															7.20	7.20	20/21	9/9					DH20
59	DH12006344	Tăng Thế	Triều	D20_CDT02																															5.55	5.55	13/21	7/9					DH20
60	DH12004164	Đỗ Trọng	Tuấn	D20_CDT02																															5.70	5.70	16/21	8/9					DH20
61	DH12007373	Nguyễn Quốc	Việt	D20_CDT02																															6.45	6.45	20/21	9/9					DH20

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 18/03/2021 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

- Phòng Đào tạo nhận đơn giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 23/03/2021 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/03/2021. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C31): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1

102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2

103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè

111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

---

Qui ước:

[1] NoHP: Nợ học phí

[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học

[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập

[4] BTH: Buộc thôi học

[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học

[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập

[7] DC: Đình chỉ học tập

[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập

[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân

[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân

[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**